

SẮP XẾP VÀ ĐỔI MỚI DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC HÀ NỘI THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

NGUYỄN ĐÌNH PHAN*

1. Vai trò của doanh nghiệp nhà nước ở Hà Nội và sự cần thiết phải sắp xếp đổi mới doanh nghiệp nhà nước ở Hà Nội.

1.1 Vai trò của doanh nghiệp nhà nước ở Hà Nội

Các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) ở Hà Nội được thành lập từ khi Thủ đô được giải phóng (10/1954) và được hình thành từ nhiều nguồn như một số xưởng quân giới được chuyển từ chiến khu về, một số xí nghiệp được quốc hữu hóa, một số công ty hợp doanh và một số xí nghiệp thành lập mới.

Các DNNN ở Hà Nội bao gồm các DNNN trung ương do các bộ - ngành quản lý (chiếm 76,36%) và các DNNN địa phương do Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội quản lý (chiếm 23,64%). Trong giai đoạn 2000 - 2004, trong quá trình sắp xếp, đổi mới, số lượng DNNN trung ương tăng từ 534 lên 630, số lượng DNNN địa phương quản lý đã giảm từ 240 xuống còn 195. Số lượng tất cả các DNNN từ chỗ chiếm 16,6% tổng số doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn năm 2000 đã giảm xuống còn 5,5% năm 2004 (Bảng 1). Tuy tỷ trọng trong tổng số doanh nghiệp đã giảm đáng kể song vai trò, vị trí của các DNNN ở Hà Nội vẫn rất quan trọng, thể hiện trên các mặt chủ yếu sau:

Khu vực kinh tế nhà nước chiếm tỷ trọng rất lớn trong cơ cấu GDP của Hà Nội, tương ứng 72,9% (1990), 70,6% (1995), 58,7% (2000), 60% (2003), 59,6% (2004) và 59,5% (2005). Các DNNN nắm giữ các ngành, lĩnh vực then chốt trong nền kinh tế (như điện, nước, viễn thông, xây dựng cơ sở hạ tầng...).

Riêng đối với các DNNN do địa phương quản lý, xét theo cơ cấu ngành nghề, tập trung lớn nhất là ở ngành công nghiệp chế biến (chiếm 29,6% tổng số doanh nghiệp), tiếp đến là ngành xây dựng (chiếm 20,9%), thương mại (chiếm 18,9%).

- DNNN ở Hà Nội chiếm tỷ trọng 56% tổng doanh thu của các doanh nghiệp Hà Nội, trong đó DNNN trung ương chiếm 50,1%, DNNN địa phương chiếm 6,2%.
- Các DNNN chiếm tỷ trọng lớn nhất (chiếm 59,7% trong tổng số vốn đầu tư phát triển của các doanh nghiệp trong 5 năm gần đây), với tốc độ tăng trưởng hàng năm tương ứng là 14,4% năm 2001, 3,53% năm 2002, 14,4% năm 2003, 4,01% năm 2004, 6,5% năm 2005, (bình quân mỗi năm tăng 6,4%). Nhờ vốn đầu tư vào DNNN tăng lên qua các năm nên giá trị tài sản của một

* Giáo sư, Tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

- DNNN do Trung ương quản lý đến cuối năm 2004 đạt 232 tỷ đồng, tăng 3,3 lần năm 2000; giá trị tài sản của một DNNN do địa phương quản lý là 114 tỷ đồng, tăng 3,96 lần.
- Trong tổng tài sản hiện có của khối doanh nghiệp, tài sản của DNNN chiếm tỷ trọng lớn nhất 54,2% (trong đó DNNN trung ương chiếm 47,1%; DNNN địa phương chiếm 7,1%).
 - Số lượng lao động đang làm việc trong các DNNN là hơn 469 ngàn người, chiếm 57,9% tổng số lao động trong doanh nghiệp.
 - DNNN ở Hà Nội đóng góp 62,69% cho ngân sách Nhà nước (DNNN Trung ương đóng góp 56,65%, DNNN địa phương 6,04%) và tính bình quân nộp ngân sách của một doanh nghiệp tăng 116,0% so với năm 2000.
 - Trong tổng kim ngạch xuất khẩu, các DNNN chiếm tỷ trọng lớn nhất 57,70% (năm 2005) với tốc độ tăng hàng năm là: năm 2001 tăng 7,74%, năm 2002 tăng 4,33%, năm 2003 giảm 2,55% đến năm 2005 tăng 18,40%.

Bảng 1: Số lượng các doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội, 2000-2004

Năm	2000	2001	2002	2003	2004
Tổng số doanh nghiệp	4643	6.367	9.559	11.812	15.070
1. Doanh nghiệp nhà nước	774	795	874	843	825
+ Trung ương quản lý	534	575	645	637	630
+ Địa phương quản lý	240	220	229	206	195
2. Doanh nghiệp ngoài quốc doanh	3.658	5.297	8.374	10.650	13.866
+ Hợp tác xã	292	301	335	320	322
+ Doanh nghiệp tư nhân	459	556	715	752	775
+ Công ty trách nhiệm hữu hạn tư nhân	2.711	4.028	6.258	7.697	9.515
+ Công ty cổ phần có vốn nhà nước < 50%	45	80	78	97	119
+ Công ty cổ phần vốn Nhà nước	151	332	988	1784	3130
3. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	211	275	311	319	379

Nguồn: Vũ Trọng Lâm (2005).

Như vậy, khu vực DNNN của Hà Nội đã và đang phát huy vai trò chủ đạo và là công cụ để Nhà nước định hướng, điều tiết vĩ mô nền kinh tế.

1. 2. Sự cần thiết phải sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước ở Hà Nội

Sắp xếp, đổi mới DNNN là một chủ trương lớn và là một trong những nội dung cơ bản của cơ chế quản lý kinh tế ở Việt Nam. Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ ba (8/ 2001) khóa IX đã xác định: đẩy mạnh cổ phần hóa DNNN; thực hiện giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê,

sáp nhập, giải thể, phá sản DNNN; sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp Nhà nước là nhiệm vụ cấp bách và cũng là nhiệm vụ chiến lược, lâu dài. Các biện pháp lớn về sắp xếp, đổi mới DNNN là: sửa đổi, bổ sung cơ chế chính sách; đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổng công ty; hình thành một số tập đoàn kinh tế mạnh.

Sắp xếp và đổi mới DNNN của cả nước nói chung và của Hà Nội nói riêng là cần thiết, xuất phát từ các lý do chủ yếu sau:

- Công cuộc đổi mới toàn diện về tư duy và cơ chế, chính sách bắt đầu từ năm 1986

đòi hỏi phải chuyển đổi mạnh mẽ cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp đối với các DNNN sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đặc trưng chủ yếu của cơ chế này là: nâng cao quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp trong kinh doanh, phân biệt rõ quản lý hành chính - kinh tế của Nhà nước với quản lý sản xuất kinh doanh, các DNNN phải cạnh tranh gay gắt ở thị trường trong nước và ngoài nước để tồn tại và phát triển.

- Trong thập kỷ 70 và 80 của thế kỷ XX các DNNN nói chung và DNNN Hà Nội nói riêng đã phát triển quá mức cần thiết, gây ra tình trạng dàn trải trong hầu khắp các lĩnh vực, các ngành của đời sống xã hội. Điều đó dẫn tới các hậu quả tất yếu là:
- + Sự phân tán, chồng chéo, trùng lặp trong quản lý các DNNN. Theo thống kê, năm 1998 có 837 DNNN trên địa bàn Hà Nội thuộc: 71 đầu mối khác nhau, trong đó Trung ương có 35 đầu mối, thành phố có 36 đầu mối (Nguyễn Kế Tuấn, 2005)
- + Phần lớn các DNNN trên địa bàn Hà Nội, đặc biệt là các DNNN do thành phố quản lý có quy mô nhỏ bé.¹
- + Sự phân tán, chồng chéo, trùng lặp, với quy mô của doanh nghiệp nhỏ bé lại thiếu vốn, trong khi cơ chế quản lý còn nhiều bất cập đã làm giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh của các DNNN trên địa bàn Hà Nội. Theo báo cáo thống kê thì năm 1998 thành phố có 43 doanh nghiệp thua lỗ, chiếm 13% tổng số doanh nghiệp; 1 đồng vốn kinh doanh chỉ tạo được 0,07 đồng tiền lãi (Nguyễn Kế Tuấn, 2005).

Vì vậy chỉ có sắp xếp đổi mới mới có thể phát triển đúng hướng và khắc phục được tình trạng sản xuất - kinh doanh kém hiệu quả của DNNN trên địa bàn Hà Nội. Quá trình đổi mới này có ý nghĩa, tác dụng trên các mặt chủ yếu sau:

- Là giải pháp quan trọng để huy động, sử dụng các nguồn lực (vốn, lao động...) đang bị phân tán, lãng phí, chưa được

huy động vào phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô và cả nước.

- Tác động tích cực tới đổi mới cơ chế quản lý DNNN tại địa bàn Hà Nội, bao gồm quản lý nhà nước và quản lý nội bộ doanh nghiệp.
- Tạo điều kiện phát huy quyền làm chủ thực sự và tạo động lực cho người lao động ở doanh nghiệp nhà nước.
- Là giải pháp quan trọng góp phần cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

2. Thực trạng sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn Hà Nội trong thời kỳ đổi mới

2.1. Những thành tựu:

Thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước và của Thành phố về sắp xếp, đổi mới DNNN qua 20 năm đổi mới, Hà nội đã đạt được những thành tựu quan trọng sau:

Về sắp xếp DNNN

Trước năm 2000, số DNNN do Hà Nội quản lý chuyển thành công ty cổ phần không nhiều: 5 DNNN vào năm 1992-1997, 30 DNNN vào năm 1998, 40 DNNN vào năm 1999. Bước sang giai đoạn 2001-2005, số DNNN do Hà Nội quản lý chuyển thành công ty cổ phần đã tăng lên (Bảng 2).

Quá trình sắp xếp lại DNNN do Hà Nội quản lý đã đem lại tác dụng tích cực trên các mặt:

- Về cơ bản, thực hiện được nhiều mục tiêu của sắp xếp, cổ phần hóa DNNN (Xem Hộp 1).
- DNNN trên địa bàn Hà Nội đã cơ cấu lại theo hướng: khắc phục tính phân tán, manh mún, làm ăn kém hiệu quả. Nhà nước chỉ nắm giữ 100% vốn đối với các doanh nghiệp hoạt động trong một số ngành, lĩnh vực quan trọng, nói chung, đó là những doanh nghiệp lớn, vừa và kinh doanh có hiệu quả.
- Nhờ sắp xếp lại DNNN nên quy mô của các doanh nghiệp được nâng lên. Điều đó

đã tạo điều kiện tiên đề để nâng cao trình độ trang bị công nghệ, mở rộng sản xuất và nâng cao hiệu quả sản xuất- kinh doanh.

- Sắp xếp lại DNNN trên địa bàn Hà Nội đã giải quyết tốt vấn đề lao động, việc làm và thu nhập cho người lao động.

Bảng 2: Kết quả sắp xếp DNNN do Hà Nội quản lý trong giai đoạn 2001- 2005

TT	Hình thức sắp xếp	Đã hoàn thành						Còn phải tiếp tục sắp xếp	Tổng cộng
		Tổng số	Trong đó						
			2001	2002	2003	2004	2005		
1	Cổ phần hóa	109	9	3	11	56	30	35	144
2	Sáp nhập	43	4	7	6	16	10	7	50
3	Giao doanh nghiệp	2	-	1	-	-	1	1	3
4	Chuyển đơn vị sự nghiệp	1	-	-	-	1	-	-	1
5	Giải thể	1	-	-	-	1	-	3	4
6	Phá sản	2	-	-	-	2	-	1	3
7	Chuyển về Trung ương	2	-	-	-	1	1	-	2
8	Tổng công ty	5	-	-	-	4	1	-	5
9	Chuyển sang mô hình Công ty mẹ - Công ty con	3	-	-	-	1	2	1	4
10.	Chuyển thành công ty TNHH 1 thành viên	35	-	-	1	6	28	13	48
11	Sắp xếp lâm trường quốc doanh	-	-	-	-	-	-	1	1
	Tổng cộng:	203	13	11	18	88	73	62	265

2. 2. Một số hạn chế

Mặc dù đã được những thành tựu kể trên, trong sắp xếp DNNN vẫn còn không ít hạn chế, yếu kém. *Thứ nhất*, sắp xếp DNNN vẫn chưa đạt được kế hoạch đề ra. Theo kế hoạch các năm và theo Quyết định số 94/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đến hết năm 2005 Hà Nội phải sắp xếp lại 241 doanh nghiệp, trên thực tế Hà Nội đã sắp xếp lại được 203 doanh nghiệp, đạt 84,23% kế hoạch. *Thứ hai*, Hà Nội chủ yếu mới thực hiện cổ phần hóa với các doanh nghiệp qui mô vừa và nhỏ theo kiểu cổ phần hóa khép kín là chính. Để định giá DNNN và bán cổ phiếu các DNNN, Hà Nội chưa áp dụng rộng rãi việc niêm yết cổ phiếu trên Trung tâm Giao dịch chứng khoán. Việc xác định giá trị doanh nghiệp và giải quyết một số tồn tại về tài chính còn nhiều bất cập làm cản trở quá trình cổ phần hóa. *Thứ ba*, một số công ty cổ phần mới được chuyển từ DNNN

sang còn gặp các khó khăn, lúng túng trong vận hành và quản lý công ty theo Luật Doanh nghiệp, trong đổi mới cơ cấu tổ chức, trong giải quyết mối quan hệ giữa hội đồng quản trị và giám đốc, trong xử lý mối quan hệ giữa công ty với ngân hàng và các cơ quan quản lý nhà nước. Cho đến nay, vẫn còn thiếu một đầu mối tổng hợp, giải quyết các khó khăn cho các công ty cổ phần; các doanh nghiệp sau cổ phần hóa có phần bị hụt hẫng do không có đầy đủ nguồn cung cấp thông tin về chính sách, chế độ, văn bản pháp luật.

Đối với việc đổi mới DNNN vẫn còn nhiều yếu kém, chẳng hạn:

(i) Mặc dù Hà Nội đã có nỗ lực lớn trong phát triển 5 ngành công nghiệp chủ lực (ơ kim khí; điện - điện tử; dệt may, da giày; chế biến thực phẩm; vật liệu mới), song trên thực tế vẫn chưa hình thành rõ nét những sản phẩm mũi nhọn thể hiện đặc trưng của

Hà Nội với thị phần cao, giá trị gia tăng lớn, thương hiệu mạnh và hàm lượng công nghệ cao;

(ii) Trình độ công nghệ thấp, chủng loại sản phẩm chưa phong phú, chất lượng sản phẩm chưa cao, hiệu quả sản xuất kinh doanh còn thấp đã làm cho sản phẩm của

DNNN Hà Nội thiếu khả năng cạnh tranh và hội nhập². Kim ngạch xuất khẩu của DNNN Hà Nội tăng thấp hơn tốc độ tăng của cả nước và tốc độ tăng của GDP Hà Nội nói riêng. Theo số liệu thống kê kim ngạch xuất khẩu của DNNN Hà Nội tăng 7,74% (2001); 4,33% (2002); 2,25% (2003) và 18,40% (2005);

Hộp 1: Kết quả hoạt động của các DNNN sau khi cổ phần hóa

+ Huy động vốn

Thông qua cổ phần hóa, từ năm 2001 đến hết năm 2004 đã thu hút được 462.325 triệu đồng vốn đầu tư vào các công ty cổ phần. Thành phố đã tính thêm một phần giá trị lợi thế vị trí địa lý vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, tăng vốn Nhà nước lên 201.372 triệu đồng.

Sau cổ phần hóa, do phát hành thêm cổ phiếu để thực hiện các phương án sản xuất kinh doanh mới nên vốn hoạt động của các doanh nghiệp đều tăng: trước cổ phần hóa bình quân vốn/doanh nghiệp là: 2,12 tỷ đồng (có 30% doanh nghiệp có vốn Nhà nước dưới 1 tỷ đồng). Sau cổ phần hóa, bình quân vốn/doanh nghiệp đạt gần 10,1 tỷ đồng, tăng gấp 4,5 lần.

+ Nâng cao hiệu quả sản xuất - kinh doanh của các DNNN sau cổ phần hóa. Kết quả khảo sát (65 doanh nghiệp) cho thấy

- Doanh thu trước khi cổ phần hóa là 559.227 triệu đồng, sau cổ phần hóa là 1.1017.675 triệu đồng, tăng gấp 1,8 lần.
- Tổng lợi nhuận thực hiện sau khi cổ phần hóa là 35.130 triệu đồng, tăng 236% so với trước khi cổ phần.
- Về lợi nhuận sau thuế (lãi ròng) của các doanh nghiệp trước khi cổ phần hóa là 9.374 triệu đồng, sau khi cổ phần hóa là 26.963 triệu đồng, tăng 287%.
- Mức nộp ngân sách trước khi cổ phần hóa là 33.322 triệu đồng, sau cổ phần hóa là 57.616 triệu đồng, tăng 173% so với trước.
- Đa số các công ty cổ phần đều có cổ tức chia cho các cổ đông và tỷ lệ cổ tức thường cao hơn lãi suất tiền gửi tiết kiệm của ngân hàng.
- Số lao động bình quân trước khi cổ phần hóa là 7.336 lao động, sau khi chuyển sang công ty cổ phần đã sắp xếp lại còn 6.741 lao động nhưng đồng thời cũng tuyển thêm 622 lao động mới. Thu nhập bình quân của người lao động tăng từ 591 nghìn đồng/tháng lên 778 nghìn đồng/tháng (tăng 31%).

(iii) Môi trường kinh doanh của Hà Nội chưa tạo điều kiện để thúc đẩy cạnh tranh mạnh mẽ; công tác điều hành, quản lý của Hà Nội đối với sản xuất - kinh doanh cần phải hoàn thiện và đổi mới mạnh mẽ hơn. Điều này phần nào được thể hiện ở việc Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của Hà Nội giảm sút từ chỗ đứng vị trí 14 (2005) xuống vị trí 40 (2006).

(iv) Phát triển hoạt động dịch vụ có chất lượng cao của DNNN trên địa bàn Hà Nội chưa tương xứng với vị trí yêu cầu của Hà Nội và tiềm năng của Hà Nội. Các ngành dịch vụ, trong đó có dịch vụ của DNNN còn một số tồn tại như tốc độ tăng trưởng các ngành dịch vụ nhiều khi thấp hơn tốc độ tăng trưởng GDP của Thành phố.

Bảng 3: Tăng trưởng kinh tế thủ đô Hà Nội trong vòng 20 năm đổi mới (%)

Giai đoạn	1986-1990	1991-1995	1996-2000	2001-2005	1986-2005
Tăng trưởng GDP	4,48	12,52	10,72	11,12	9,66
1- Công nghiệp mở rộng	1,65	13,73	14,15	19	10,56
2- Dịch vụ	5,78	12,66	9,43	10,28	9,56
3- Nông - Lâm - Thủy sản	6,76	5,62	3,82	2,55	4,68

Đáng lưu ý là tỷ trọng dịch vụ trong cơ cấu GDP của Thành phố giảm từ 66,50% (1986) xuống 61,60% (1995) và 57,50% (2005).

(v) Một số ngành dịch vụ có chất lượng cao có khả năng ứng dụng công nghệ hiện đại, hỗ trợ tích cực cho phát triển các ngành kinh tế và phục vụ đời sống, như: Tài chính tín dụng, khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo, y tế..., phát triển còn chậm, chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu dịch vụ (chiếm khoảng 26,9% năm 1990, 20% năm 2000 và 19,1% năm 2004). Do đó mục tiêu xây dựng Hà Nội thành trung tâm tài chính - ngân hàng, trung tâm thương mại, du lịch, trung tâm đào tạo, chuyển giao công nghệ có vị thế trong nước và khu vực được triển khai còn chậm.

(vi) Quan hệ hợp tác, liên kết kinh tế giữa Hà Nội với các tỉnh lân cận, các tỉnh ở đồng bằng Sông Hồng và các tỉnh trong cả nước, đặc biệt là giữa các doanh nghiệp của Hà Nội với các tỉnh chưa phát triển, thiếu sự phối hợp chặt chẽ.

Có nhiều nguyên nhân gây nên các tồn tại kể trên.

Một là, nhận thức tư tưởng trong cán bộ lãnh đạo và cán bộ công nhân viên của DNNN về sắp xếp, đổi mới DNNN chưa đầy đủ và sâu rộng.

Hai là, hệ thống cơ chế chính sách không đồng bộ và tác động đến sắp xếp, đổi mới DNNN chưa mạnh.

Ba là, năng lực và trình độ đội ngũ cán bộ chưa vươn lên kịp để đáp ứng yêu cầu sắp xếp và đổi mới DNNN.

3. Bài học kinh nghiệm về sắp xếp đổi mới DNNN ở Hà Nội

Thứ nhất, tiếp thu và vận dụng sáng tạo các chủ trương Nghị quyết của Đảng vào thực tiễn Hà Nội.

Sắp xếp và đổi mới DNNN là chủ trương lớn và trọng tâm của đổi mới kinh tế, đã được khẳng định trong các văn kiện Đại hội Đảng khóa VI (1986); VII (1991); VIII (1996); IX (2001) và X (2006) và trong nhiều Nghị quyết Hội nghị Trung ương đã xác định các nhiệm vụ và biện pháp chủ yếu để thực hiện chủ trương này. Trong thời gian qua, Đảng bộ Thành phố Hà Nội đã có nhiều Nghị quyết và chương trình công tác cụ thể thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả các chủ trương Nghị quyết trên của Đảng.

Thứ hai, thống nhất về chủ trương và có chương trình kế hoạch, đề án cụ thể của Thành phố để triển khai thực hiện thành công các chủ trương, chương trình, kế hoạch, đề án đó.

Hà Nội đã tuyên truyền, giáo dục cán bộ lãnh đạo các cấp, toàn thể đảng viên và quần chúng thông suốt và thống nhất cao về chủ trương sắp xếp và đổi mới DNNN. Quan trọng hơn là trên cơ sở có sự thống nhất cao đó, Hà Nội đã xây dựng các chương trình kế hoạch, đề án cụ thể của Thành ủy và của chính quyền các cấp để thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch, đề án đó.

Thành ủy Hà Nội đã xây dựng các chương trình công tác lớn có một số chương trình liên quan trực tiếp đến sắp xếp và đổi mới DNNN đó là:

- + Chương trình tiếp tục củng cố quan hệ sản xuất, phát triển một số ngành công nghiệp chủ lực.
- + Chương trình nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển một số ngành dịch vụ, chủ động tham gia hội nhập kinh tế quốc tế.

- + Chương trình ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin.
- + Đẩy mạnh tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng lực cạnh tranh của kinh tế Thủ đô.
- + Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực của chính quyền các cấp.
- + Phát triển một số ngành dịch vụ trình độ, chất lượng cao.
- + Phát triển khoa học- công nghệ và giáo dục đào tạo.
- Hướng dẫn giúp đỡ các DNNN thực hiện tốt quy trình cổ phần hóa.
- Thẩm định phương án cổ phần hóa và điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần.
- + Tiến hành đồng bộ các biện pháp để sắp xếp và đổi mới DNNN ví dụ như các vấn đề kỹ thuật và nghiệp vụ liên quan đến xác định giá trị doanh nghiệp, xử lý tổn động về tài chính, xây dựng phương án kinh doanh, xây dựng điều lệ hoạt động của các công ty cổ phần.

Thứ ba, coi trọng công tác tổ chức chỉ đạo thực hiện chủ trương sắp xếp và đổi mới DNNN.

Nhờ coi trọng công tác tổ chức thực hiện nên Hà Nội đã đạt được nhiều thành công trong quá trình sắp xếp DNNN. Hà Nội được đánh giá là một trong những thành phố đi đầu trong quá trình cổ phần hóa, là thành phố tiến hành cổ phần hóa: thận trọng, đúng quy định, mang lại hiệu quả thiết thực.

Công tác tổ chức chỉ đạo sắp xếp và đổi mới DNNN ở Hà Nội đã coi trọng một số khâu, lĩnh vực chủ yếu sau:

- + Thiết lập một hệ thống tổ chức đủ mạnh làm nòng cốt thực hiện nhiệm vụ sắp xếp và đổi mới DNNN Hà Nội.

Hà Nội thành lập "Ban chỉ đạo đổi mới quản lý các cơ sở sản xuất kinh doanh" ở cấp Thành phố, quận, huyện, doanh nghiệp. Nhiệm vụ của Ban là nghiên cứu và chỉ đạo toàn bộ các vấn đề về đổi mới quản lý sản xuất- kinh doanh của các cơ sở do Thành phố quản lý, trong đó nhiệm vụ trọng tâm trước mắt là chỉ đạo công tác cổ phần hóa. Nhiệm vụ cụ thể của Ban là:

- Lập kế hoạch cổ phần hóa các DNNN để trình Thành phố duyệt.
- Theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc triển khai cổ phần hóa ở các DNNN.
- Nghiên cứu và giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình cổ phần hóa trong phạm vi được phân cấp.

Thứ tư, sắp xếp và đổi mới DNNN trên địa bàn Hà Nội được thực hiện đồng thời và được tiến hành cùng với cải cách hành chính và đổi mới quản lý đô thị.

Sắp xếp và đổi mới DNNN luôn luôn là chủ trương lớn, là một trong những trọng tâm công tác của Thủ đô trong suốt 20 năm đổi mới (1986- 2006). Nó được tiến hành đồng thời với việc cải cách hành chính và đổi mới quản lý đô thị và 3 mặt công tác này hỗ trợ cho nhau cùng phát triển. Sắp xếp lại DNNN làm cho hệ thống DNNN của Hà Nội được hoàn thiện hơn, hoạt động hiệu quả hơn, đồng thời có tác dụng thúc đẩy cải cách hành chính, đổi mới quản lý đô thị góp phần phát triển kinh tế – xã hội Thủ đô.

4. Phương hướng và các giải pháp sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp nhà nước Hà Nội.

4.1 Phương hướng.

Phát huy vị thế, thế mạnh của Hà Nội cũng như những thành tựu đã đạt được trong 20 năm đổi mới vừa qua, đứng trước thách thức và cơ hội khi Việt Nam gia nhập WTO, Hà Nội cần tiếp tục sắp xếp và đổi mới DNNN theo hướng:

- Sắp xếp đổi mới DNNN nhằm thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Hà Nội theo hướng: dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp; đi đầu trong cả nước về công nghiệp hoá, hiện đại hoá,

nâng cao hiệu quả, khả năng cạnh tranh và hội nhập của DNNN.

- Sắp xếp, đổi mới DNNN theo nội dung chuyển sang kinh tế thị trường, hình thành đồng bộ và hoàn thiện các loại thị trường và thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Tiếp tục sắp xếp đổi mới DNNN theo hướng "nâng cao vai trò chủ đạo của kinh tế Nhà nước, đổi mới và củng cố kinh tế tập thể, tạo mọi điều kiện thuận lợi phát triển kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (Văn kiện Đại hội lần thứ XIV Đảng bộ Thành phố Hà Nội).
- Tiếp tục sắp xếp DNNN theo hướng: thực hiện cổ phần hoá một số DNNN còn lại, thành lập công ty mẹ - công ty con, hình thành một số tập đoàn kinh tế.
- Tiếp tục đổi mới quản lý Nhà nước với DNNN và nâng cao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp.

4.2. Giải pháp.

Một là, tập trung chỉ đạo hình thành và phát triển các sản phẩm chủ lực của DNNN Hà Nội.

Hai là, đổi mới công nghệ các DNNN trên địa bàn Hà Nội. Công nghệ là động lực của phát triển, khi cơ chế đã được giải quyết thì công nghệ là yếu tố quyết định tới chất lượng sản phẩm, tới hạ giá thành do đó ảnh hưởng đến cạnh tranh và hội nhập.

Đổi mới công nghệ của doanh nghiệp có thể thực hiện một trong những mục tiêu sau: i) Tăng sản lượng; ii) tăng năng suất lao động, giảm và giải phóng lao động; iii) tiết kiệm và thay thế năng lượng, nguyên vật liệu; iv) nâng cao chất lượng sản phẩm.

Phương hướng, nhiệm vụ của đổi mới công nghệ hướng vào nâng cao chất lượng sản phẩm là:

- Nâng cao khả năng, trình độ thiết kế sản phẩm và dịch vụ đáp ứng yêu cầu khách hàng.

- Nâng cao trình độ công nghệ bao gồm cả phần cứng - máy móc thiết bị và phần mềm (phương pháp, con người, tổ chức, thông tin). Theo điều tra nhận thấy tuy trình độ công nghệ của nhiều DNNN Hà Nội có được nâng lên nhưng vẫn còn thấp, thiết bị mới chuyển về của các doanh nghiệp Việt Nam phần lớn là từ các nước đang phát triển hoặc các nước công nghiệp mới, rất ít từ công nghệ nguồn (từ các nước phát triển), do đó lạc hậu so với công nghệ nguồn 2-3 thế hệ. Vì vậy cấp bách phải nâng cao trình độ công nghệ cho các doanh nghiệp.

- Nâng cao trình độ áp dụng công nghệ thông tin cho các doanh nghiệp. Hiện nay tuy có đến 60,2% doanh nghiệp sử dụng máy vi tính, nhưng số doanh nghiệp sử dụng mạng nội bộ chỉ có 11,55% và xây dựng trang website. Chỉ có 2,16% số lượng doanh nghiệp tham gia thương mại điện tử và khai thác thông tin qua mạng còn ít là một cản trở lớn khi tham gia hội nhập.

Để đổi mới công nghệ theo mục tiêu và phương hướng, nhiệm vụ trên, điều kiện và giải pháp cơ bản là: phải có cơ chế đảm bảo tài chính cho đổi mới công nghệ của doanh nghiệp, phải nâng cao năng lực công nghệ nội sinh của doanh nghiệp và cần sự hỗ trợ giúp đỡ cần thiết của Nhà nước.

Ba là, xây dựng thương hiệu và đổi mới chất lượng sản phẩm của DNNN Hà Nội.

Thương hiệu không chỉ là nhãn mác, tên gọi, biểu tượng của sản phẩm mà là sự thừa nhận của khách hàng đối với chất lượng và uy tín sản phẩm của doanh nghiệp. Chất lượng là mức độ của một tập hợp các đặc tính vốn có đáp ứng yêu cầu của khách hàng. Chất lượng sản phẩm quyết định thương hiệu sản phẩm và khả năng cạnh tranh hội nhập của doanh nghiệp.

Trong những năm đổi mới vừa qua, mặt bằng chất lượng sản phẩm của DNNN Hà Nội đã được cải thiện và nâng cao một bước. Tuy nhiên so với yêu cầu của khách hàng

và của hội nhập thì chất lượng đó còn thấp. Khi Việt Nam gia nhập WTO, hàng rào thuế quan sẽ giảm hoặc bị dỡ bỏ và các hàng rào phi thuế quan như: tiêu chuẩn, chất lượng sẽ tăng lên. Do đó, để phát triển sản xuất - kinh doanh và hội nhập kinh tế các DNNN Hà Nội cần áp dụng một số biện pháp:

- Đổi mới công nghệ của doanh nghiệp hướng vào đảm bảo và nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Đổi mới hoạt động tiêu chuẩn hoá.
- Phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho đảm bảo nâng cao chất lượng của sản phẩm.
- Phát triển, duy trì và nâng cao tác dụng, hiệu quả của các hệ thống quản lý chất lượng như ISO 9000, ISO 14000, HACCP, SA 8000.

Thương hiệu sản phẩm của doanh nghiệp được xác định do nhiều yếu tố như: năng lực lãnh đạo, năng lực đổi mới doanh nghiệp, chất lượng nguồn nhân lực, bảo vệ thương hiệu, tính ổn định, kết quả kinh doanh. Vì vậy, để có thương hiệu mạnh các DNNN Hà Nội cần tạo ra các yếu tố đó, cần xây dựng thương hiệu, đăng ký và bảo vệ thương hiệu.

Bốn là, tăng cường mối quan hệ liên kết kinh tế giữa các DNNN trên địa bàn Hà Nội với các doanh nghiệp khác ở trong và ngoài địa bàn Hà Nội thông qua các hình thức phong phú và cụ thể sau:

- Các DNNN Hà Nội đầu tư ra các tỉnh và mở chi nhánh ở các tỉnh để thực hiện đầu tư mới, mở rộng và di dời cơ sở sản xuất kinh doanh.
- Các DNNN Hà Nội đầu tư bằng hình thức góp cổ phần vào các doanh nghiệp ở trong và ngoài địa bàn Hà Nội.
- Phát triển quan hệ gia công, hợp tác và thực hiện hợp đồng phụ với các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở trong và ngoài địa bàn Hà Nội.
- Thiết lập quan hệ liên doanh trong việc khai thác chế biến nguyên vật liệu và tạo sản phẩm cuối cùng.

Năm là, đẩy mạnh cổ phần hoá DNNN Hà Nội, chuyển các doanh nghiệp có 100% vốn Nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc công ty cổ phần, các tổng công ty nhà nước hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, thành lập một số tập đoàn kinh tế. □

1. Theo Nguyễn Kế Tuấn (2005), số lượng doanh nghiệp do thành phố quản lý phân theo quy mô vốn năm 1998 như sau: dưới 1 tỷ đồng: 77 doanh nghiệp, chiếm 23%; từ 1 đến 3 tỷ đồng: 97 doanh nghiệp, chiếm 29%. Từ 5 đến 10 tỷ đồng: 57 doanh nghiệp, chiếm 18%. Trên 10 tỷ đồng: 39 doanh nghiệp, chiếm 12%.
2. Qua điều tra trên 100 doanh nghiệp ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh nhận thấy mức đầu tư dành cho đổi mới thiết bị của các doanh nghiệp rất thấp, chỉ tương đương 3% doanh thu cả năm, các công nghệ hiện đang sử dụng đa số là công nghệ cũ, công nghệ của thập kỷ 80, phụ thuộc và trang thiết bị, công nghệ nhập, chậm trong đổi mới công nghệ. Tỷ trọng giữa giá trị gia tăng (GDP) và giá trị sản xuất đã giảm từ 51,78% năm 1990 xuống còn 43,50% năm chứng tỏ hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất - kinh doanh thấp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Hai mươi năm đổi mới ở Thủ đô Hà Nội: Định hướng phát triển đến năm 2010. Hà Nội, 2005.
2. Niên giám Thống kê (2005), Cục Thống kê Thành phố Hà Nội, 2006.
3. Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục sắp xếp đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước. Hà Nội, 2003.
4. Nguyễn Kế Tuấn (2005), "Cổ phần hóa DNNN: Thực trạng và giải pháp". Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ. Mã số B99.38.06.
5. Văn kiện Đại hội lần thứ XIII Đảng bộ Thành phố Hà Nội. Hà Nội, 2001.
6. Nghị quyết số 15 NQ/TW ngày 15/12/2000 về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội trong thời kỳ 2001 - 2010.
7. Văn kiện Đại hội lần thứ XIV Đảng bộ Thành phố Hà Nội. Hà Nội, 2006.
8. Vũ Trọng Lâm (2005), "Nâng cao sức cạnh tranh của các doanh nghiệp trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế".